

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CPVT DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/PĐV-CBTT
V/v Công bố thông tin BCTC đã kiểm toán
2021

Tp.HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội,

- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil);
- Mã chứng khoán: PDV
- Trụ sở chính: Lầu 8, Cao ốc Citilight, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM;
- Điện thoại: (028) 62911 281; Fax: (028) 62911 280; Email: info@pvoilshipping.vn;
- Người công bố: ông Hồ Sĩ Thuận – TV HĐQT Công ty/Giám đốc Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần 16 ngày 31/08/2021 (lần đầu ngày 20/04/2007);
- Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PV Trans Oil xin trân trọng công bố thông tin **Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021** của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo file đính kèm.

- Thông tin được công bố trên trang thông tin điện tử của CTCP Vận tải Dầu Phương Đông Việt tại website <http://pvoilshipping.vn/>

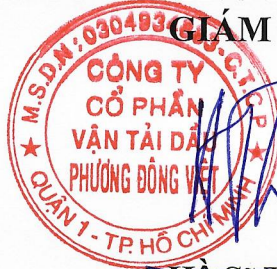
PV Trans Oil cam kết các thông tin công bố là đúng với sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKT, Website;
- Lưu: VT, HĐQT (1b).

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Hồ Sĩ Thuận



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**MAKING AN
IMPACT THAT
MATTERS**

since 1845

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Quý	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)
Ông Hoàng Đức Chính	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021)

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021)
Ông Phạm Huy Hiệp	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2021)
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sĩ Thuận

Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Số: 0339 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính liên quan đến việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Thị Thu Sang
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Nguyễn Tuấn Ngọc.

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		278.538.465.673	128.808.453.040
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	57.030.137.506	46.875.315.602
1. Tiền	111		7.030.137.506	11.875.315.602
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.247.945.205	19.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	50.247.945.205	19.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		140.841.060.874	33.286.028.837
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	109.845.867.613	16.227.666.027
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.985.753.204	4.801.191.796
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	36.368.386.169	21.616.117.126
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.358.946.112)	(9.358.946.112)
IV. Hàng tồn kho	140	10	12.154.151.509	15.364.170.373
1. Hàng tồn kho	141		12.154.151.509	15.364.170.373
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.265.170.579	14.282.938.228
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.140.539.807	2.841.530.324
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.114.864.617	11.431.641.749
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	9.766.155	9.766.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		596.947.818.766	663.527.508.432
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		4.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		546.469.277.988	493.404.145.018
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	546.469.277.988	493.404.145.018
- Nguyên giá	222		849.197.316.577	801.071.530.318
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(302.728.038.589)	(307.667.385.300)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		218.000.000	218.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.000.000)	(218.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	155.428.485.797
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	155.428.485.797
IV. Tài sản dài hạn khác	260		50.474.540.778	14.694.877.617
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	43.516.913.855	10.075.258.349
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	6.957.626.923	4.619.619.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		875.486.284.439	792.335.961.472

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



(Handwritten signature)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		531.325.324.076	471.259.707.471
I. Nợ ngắn hạn	310		262.313.446.157	161.065.496.988
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	140.908.710.075	50.339.073.144
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.986.028.390	14.664.575.589
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.383.102.475	1.918.146.290
4. Phải trả người lao động	314		14.689.399.246	10.269.256.317
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	8.786.083.354	2.808.777.043
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	12.968.294.893	16.228.862.924
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	74.590.922.996	64.324.088.805
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		904.728	512.716.876
II. Nợ dài hạn	330		269.011.877.919	310.194.210.483
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	269.011.877.919	310.194.210.483
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		344.160.960.363	321.076.254.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	344.160.960.363	321.076.254.001
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.099.860.000	295.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		251.099.860.000	235.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		104.545.455	164.545.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.206.500.656	5.640.832.100
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.750.054.252	20.270.876.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		450.125.038	11.718.647.926
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.299.929.214	8.552.228.520
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		875.486.284.439	792.335.961.472



Tăng Kim Thụy Vi
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		824.443.458.908	852.421.915.464
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	824.443.458.908	852.421.915.464
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	757.767.933.274	803.161.479.983
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		66.675.525.634	49.260.435.481
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	12.192.394.408	7.928.737.340
6. Chi phí tài chính	22	27	17.632.563.610	14.650.170.491
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.616.417.492	12.732.091.209
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	32.793.304.100	39.211.002.316
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		28.442.052.332	3.328.000.014
9. Thu nhập khác	31	29	2.136.857.445	12.492.091.579
10. Chi phí khác	32		143.344.312	4.995.542.230
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.993.513.133	7.496.549.349
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		30.435.565.465	10.824.549.363
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	8.473.643.906	4.764.751.467
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(2.338.007.655)	(2.492.430.624)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		24.299.929.214	8.552.228.520
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	968	295

Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.435.565.465	10.824.549.363
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	88.273.255.303	71.060.995.588
Các khoản dự phòng	03	-	6.190.253.887
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.810.225.244)	(1.490.821.152)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.862.678.363)	(16.023.570.826)
Chi phí lãi vay	06	14.616.417.492	12.732.091.209
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	121.652.334.653	83.293.498.069
Thay đổi các khoản phải thu	09	(110.681.356.066)	9.430.379.395
Thay đổi hàng tồn kho	10	3.210.018.864	3.976.890.799
Thay đổi các khoản phải trả	11	92.060.182.276	(33.651.526.782)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(33.740.664.989)	20.395.549.242
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.947.988.915)	(14.176.083.560)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.053.567.655)	(5.777.392.887)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.667.035.000)	(878.691.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.831.923.168	62.612.623.276
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(20.374.744.529)	(154.956.858.518)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	37.664.797.500	62.108.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.247.945.205)	(19.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.000.000.000	2.880.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.043.473.808	2.401.492.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.914.418.426)	(106.566.765.709)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32	(60.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	39.370.379.230	104.295.069.037
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.111.406.012)	(51.902.452.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.801.026.782)	52.392.616.119
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	10.116.477.960	8.438.473.686
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.875.315.602	38.472.303.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	38.343.944	(35.461.741)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	57.030.137.506	46.875.315.602



Tăng Kim Thụy Vi
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận

Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UPCOM vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 275 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 247 người).

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện trọng yếu phát sinh trong năm

Đại dịch Covid-19 đang gây ra suy thoái kinh tế và tác động xấu cho hầu hết các doanh nghiệp trong nhiều ngành. Ban Giám đốc đã đánh giá tác động của Covid-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, cũng như theo sát các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để có biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc vẫn liên tục theo dõi những diễn biến liên quan đến Covid-19 và đánh giá rằng đại dịch Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10	10
Phương tiện vận tải	08 - 16	08 - 18
Thiết bị văn phòng	03 - 05	03 - 05

Trong năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Phương Đông Star, bắt đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Chi tiết của việc thay đổi thời gian hữu dụng được trình bày tại Thuyết minh số 12.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm rưỡi đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

25
NH
NH
TĐ
LM
CH

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	339.529.429	289.849.688
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.690.608.077	11.585.465.914
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	35.000.000.000
	57.030.137.506	46.875.315.602

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 3,4%/năm đến 3,85%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ba tháng với lãi suất được hưởng từ 3,55%/năm đến 3,85%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất được hưởng là từ 5%/năm đến 5,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là từ 5,5%/năm đến 6,3%/năm). Trong đó, bao gồm:

- Khoản tiền gửi với số tiền là 5.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 113.2021/HĐTG-TSG.DVKH ký ngày 07 tháng 10 năm 2021, 5.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 112.2021/HĐTG-TSG.DVKH ký ngày 05 tháng 10 năm 2021 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn được sử dụng để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ các khoản vay tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

- Khoản tiền gửi với số tiền là 10.247.945.205 đồng (gồm tiền gốc: 9.789.085.276 đồng và tiền lãi: 458.859.929 đồng) theo hợp đồng số 10001/21/HD-HCM ký ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tiền gốc được sử dụng để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ, bảo lãnh thanh toán xử lý khiếu nại sự cố đâm va của tàu Phuong Dong Star theo Hợp đồng số 1381438.A.20.HĐCC.HCM ký ngày 17 tháng 02 năm 2021 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Prudensol Inc.	5.832.340.268	5.861.080.914
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thiên Nam Đạt	-	5.349.756.500
Công ty TNHH Cea Projects	-	1.745.000.000
Công ty TNHH Khí đốt Thăng Long	77.132.037.686	-
Marida Tankers INC	12.767.420.027	-
Các đối tượng khác	11.039.036.845	3.271.828.613
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	2.172.044.287	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	902.988.500	-
	109.845.867.613	16.227.666.027

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn	-	1.756.275.411
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	470.085.809
Helintec Marine Limited	146.004.815	127.682.500
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	-	480.418.180
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Hàng hải Thảo Linh	492.861.600	-
Các đối tượng khác	576.793.480	1.966.729.896
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.300.007.500	-
	3.985.753.204	4.801.191.796

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tạm ứng cho nhân viên	2.292.172.122	2.190.881.565
- Ký cược, ký quỹ(****)	11.010.813.000	463.890.000
- Khoản đặt cọc cho tòa án vụ tàu PV Oil Jupiter (*)	6.228.185.213	6.336.848.339
- Khoản đặt cọc cho tòa án vụ tàu PV Oil Venus (**)	3.085.045.034	3.138.869.803
- Thuế giá trị gia tăng được hoàn (***)	11.299.027.919	-
- Phải thu khác từ bên thứ ba	2.453.142.881	9.454.504.131
- Phải thu khác từ bên liên quan:		
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	31.123.288
	36.368.386.169	21.616.117.126

(*) Đây là khoản tiền 275.096,52 Đô la Mỹ Công ty đã đặt cọc từ tháng 02 năm 2018 theo yêu cầu của Tòa án tại Kolkata, Ấn Độ liên quan đến tàu PV Oil Jupiter của Công ty do người cung cấp nhiên liệu khiếu nại người thuê tàu chưa thanh toán tiền nhiên liệu. Ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu đã được giải phóng.

(**) Đây là khoản tiền 136.265,24 Đô la Mỹ Công ty đã đặt cọc từ tháng 10 năm 2018 theo yêu cầu của Tòa án tại Hylnida, Ấn Độ liên quan đến tàu PV Oil Venus của Công ty do người cung cấp nhiên liệu khiếu nại người thuê tàu chưa thanh toán tiền nhiên liệu. Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tàu đã được giải phóng.

Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ bởi tòa Monjasa tại Kolkata và tòa Bunkernet tại Hylnida của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Singapore) PTE.Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Sandalha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ. Theo ý kiến tham khảo và tư vấn của luật sư, Công ty đánh giá rằng các khoản tiền bảo lãnh này có khả năng thu lại được và luật sư đề nghị Công ty tiếp tục theo dõi vụ kiện. Không có khoản dự phòng nào được ghi nhận trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty vì Công ty chưa có đủ thông tin để ước tính một cách đáng tin cậy các chi phí sẽ phát sinh liên quan đến vụ kiện.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản tiền này sẽ được thu hồi theo đúng quy định của luật pháp Quốc tế và của nước sở tại. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản đặt cọc này.

(***) Đây là khoản tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn theo Quyết định số 27581/QĐ-CTTPHCM-KĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Cục trưởng Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về kiểm tra thuế tại đơn vị, thì tổng số tiền thuế đơn vị sẽ được hoàn là 11.299.027.919 đồng.

(****) Đây là khoản nhận tiền đặt cọc khi cho khách hàng thuê tàu PVT Neptune và PVT Venus tham gia thị trường Word Pool theo hợp đồng Pool Agreement ngày 1 tháng 11 năm 2021 và ngày 5 tháng 01 năm 2021 với tổng giá trị nhận cọc là 453.000 Đô la Mỹ tương đương với 10.399.920.000 đồng trong 12 tháng. Và tiền đặt cọc thuê văn phòng theo hợp đồng số 1157/HĐ-QLVP-PL13 ngày 04 tháng 5 năm 2021 với giá trị là 610.893.000 đồng.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đối tượng Nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Gia Hải	240.110.231	-	240.110.231	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	-	470.085.809	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	256.220.424	-	256.220.424	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II TNHH MTV Thuyền trưởng tàu Phương Dong Star	182.306.943	-	182.306.943	-
Victory Tankers Limited	570.742.850	-	570.742.850	-
Stella Tankers (Singapore) Pte Ltd	1.303.083.233	-	1.303.083.233	-
JVL Overseas Pte Ltd	404.828.608	-	404.828.608	-
Prudensol Inc	70.487.100	-	70.487.100	-
	5.861.080.914	-	5.861.080.914	-
	9.358.946.112	-	9.358.946.112	-

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	2.446.984.783	2.490.441.657
Các khoản khác	693.555.024	351.088.667
	3.140.539.807	2.841.530.324
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu PV Oil Jupiter	-	3.529.707.470
Chi phí sửa chữa lớn tàu Phuong Dong Star	1.423.969.911	4.841.497.698
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Saturn	10.299.224.817	443.818.027
Chi phí sửa chữa tàu PVT Synergy	7.930.371.087	-
Chi phí sửa chữa tàu PVT Neptune	2.520.463.110	-
Cước thuê tàu trả trước của tàu PVT Diamond	20.819.859.937	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	403.650.276	1.095.622.178
Các khoản khác	119.374.717	164.612.976
	43.516.913.855	10.075.258.349

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	800.318.137.741	753.392.577	801.071.530.318
Tăng trong năm	175.803.230.326	-	175.803.230.326
Thanh lý, nhượng bán	(127.677.444.067)	-	(127.677.444.067)
Số dư cuối năm	848.443.924.000	753.392.577	849.197.316.577
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	307.149.719.389	517.665.911	307.667.385.300
Khấu hao trong năm	88.198.815.307	74.439.996	88.273.255.303
Thanh lý, nhượng bán	(93.212.602.014)	-	(93.212.602.014)
Số dư cuối năm	302.135.932.682	592.105.907	302.728.038.589
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	493.168.418.352	235.726.666	493.404.145.018
Số dư cuối năm	546.307.991.318	161.286.670	546.469.277.988

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là 843.250.090.939 đồng và 542.240.474.914 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lần lượt là 799.451.880.905 đồng và 493.168.418.352 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.212.713.050 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.212.713.050 đồng).

Trong năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Phuong Dong Star từ 18 năm xuống 16 năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của tàu này. Nếu thời gian hữu dụng trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2021 sẽ giảm với số tiền là 13.301.345.584 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2021 sẽ tăng với số tiền tương ứng. Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 01 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua chủ trương và phê duyệt kế hoạch bán tàu Phuong Dong Star và hiện Công ty đang triển khai các công tác tổ chức, thực hiện việc bán tàu này.

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.957.626.923	4.619.619.268
	6.957.626.923	4.619.619.268

	Các khoản dự phòng VND	Chi phí khấu hao VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	7.474.291.029	-	7.474.291.029
Ghi nhận vào BCKQKD trong năm	1.884.655.083	21.213.441.257	23.098.096.340
Số dư đầu năm nay	9.358.946.112	21.213.441.257	30.572.387.369
Ghi nhận vào BCKQKD trong năm	-	34.788.134.605	34.788.134.605
Số dư cuối năm	9.358.946.112	56.001.575.862	65.360.521.974

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến	-	-	5.349.327.500	5.349.327.500
Công ty TNHH Gas Venus	77.105.790.850	77.105.790.850	-	-
Công ty TNHH HD Shipping	5.296.500.000	5.296.500.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	52.708.784.318	52.708.784.318	26.244.157.449	26.244.157.449
b. Bên liên quan				
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.765.734.907	5.765.734.907	18.108.094.195	18.108.094.195
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp. Hồ Chí Minh	31.900.000	31.900.000	73.920.000	73.920.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	-	7.733.000	7.733.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	-	-	555.841.000	555.841.000
	140.908.710.075	140.908.710.075	50.339.073.144	50.339.073.144

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số đã thu/nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
	9.766.155	-	-	9.766.155
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	238.201.778	-	238.201.778	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	365.734.047	365.734.047	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.057.807.054	4.057.807.054	-
Thuế thu nhập cá nhân	546.153.413	431.823.395	826.779.651	151.197.157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	811.829.067	8.473.643.906	6.053.567.655	3.231.905.318
Thuế nhà thầu	321.962.032	1.521.414.342	1.843.376.374	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
	1.918.146.290	14.854.422.744	13.389.466.559	3.383.102.475

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	1.619.405.038	1.975.636.347
Chi phí phải trả khác	7.166.678.316	833.140.696
	8.786.083.354	2.808.777.043

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	5.654.596.903	5.329.305.969
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	573.890.004	590.251.497
Kinh phí công đoàn	127.158.943	151.330.363
Phải trả khác (*)	2.445.101.111	7.783.127.163
b. Bên liên quan		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.014.750.000	2.077.875.000
Tổng công ty thăm dò khai thác dầu khí (Lô 01/97& 02/97) - Công ty TNHH	805.350.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	296.972.932	296.972.932
Công ty TNHH MTV điều hành thăm dò khai thác dầu khí trong nước- Lô 05.1a	1.257.025.000	-
Tổng Công Ty thăm dò khai thác Dầu Khí - Công ty TNHH	793.450.000	-
	12.968.294.893	16.228.862.924

(*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ tàu biển mà Công ty thu hộ khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dất tàu, phí nước ngọt v.v...

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn (*)	29.316.220.006	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	45.274.702.990	64.324.088.805
	74.590.922.996	64.324.088.805

(*) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/21/02/0199/HĐHM ký ngày 12 tháng 7 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo mỗi khoản vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn như trình bày ở Thuyết minh số 5. Lãi suất vay áp dụng sẽ được ghi trên Giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (i)		
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	31.364.475.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)		
- Vay dài hạn	90.518.514.331	106.229.242.173
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.482.961.890	14.652.308.914
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (iii)		
- Vay dài hạn	83.859.943.622	93.633.773.050
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.724	4.071.033.611
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (iv)		
- Vay dài hạn	94.633.419.966	110.331.195.260
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.019.752.376	14.236.271.280
	314.286.580.909	374.518.299.288

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 04/2007/HĐTD-TCĐK-22.16 ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 13.770.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu Phương Đông Star. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Phương Đông Star. Lãi suất vay được áp dụng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SIBOR 6 tháng cộng 1,6%/năm. Khoản vay này được gia hạn thanh toán đến ngày 07 tháng 7 năm 2021 theo phụ lục số PL04-04/2007/HĐTD-TCĐK-22.16 ngày 16 tháng 6 năm 2020.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 301/2018/HĐTD/TTKD Q3/01 ký ngày 02 tháng 01 năm 2019 với số tiền vay là 138.990.000.000 đồng (tương đương 6.000.000 Đô la Mỹ theo hợp đồng hoán đổi tỷ giá hai đồng tiền) để đầu tư mua tàu PVT Synergy. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 07 tháng 01 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Synergy. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,5%/năm.

(iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HĐTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 03 tháng 12 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LSCS DH USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.

(iv) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,2%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	45.274.702.990	64.324.088.805
Trong năm thứ hai	45.274.702.990	45.172.714.637
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	135.824.108.970	135.518.143.911
Sau năm năm	87.913.065.959	129.503.351.935
	314.286.580.909	374.518.299.288
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(45.274.702.990)	(64.324.088.805)
	269.011.877.919	310.194.210.483

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	31.109.986	311.099.860.000	29.500.000	295.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	31.109.986	311.099.860.000	29.500.000	295.000.000.000
Cổ phần			Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng			31.109.986	29.500.000
+ Cổ phần phổ thông			25.109.986	23.500.000
+ Cổ phần ưu đãi			6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành			31.109.986	29.500.000
+ Cổ phần phổ thông			25.109.986	23.500.000
+ Cổ phần ưu đãi			6.000.000	6.000.000

Công ty đã phát hành 23.500.000 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 6.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức (trong đó có 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức được nhận gấp 1,4 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cổ tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông). Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Trong năm 2021, Công ty thực hiện phát hành thêm 1.609.986 cổ phiếu để chia cổ tức năm 2020 cho cổ đông theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2021. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành sau đợt phát hành này là 31.109.986 cổ phiếu trong đó có 25.109.986 cổ phiếu phổ thông và 6.000.000 cổ phiếu ưu đãi.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	295.000.000.000	164.545.455	3.033.656.185	15.494.882.479	313.693.084.119
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.552.228.520	8.552.228.520
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	2.607.175.915	(2.607.175.915)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(869.058.638)	(869.058.638)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư đầu năm nay	295.000.000.000	164.545.455	5.640.832.100	20.270.876.446	321.076.254.001
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.299.929.214	24.299.929.214
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	16.099.860.000	-	-	(16.099.860.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(60.000.000)	-	-	(60.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	2.565.668.556	(2.565.668.556)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(855.222.852)	(855.222.852)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư cuối năm	311.099.860.000	104.545.455	8.206.500.656	24.750.054.252	344.160.960.363

(*) Đây là số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-DHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	161.373.610.000	51,87%	152.974.870.000	51,86
Công ty TNHH Tân Long	80.400.000.000	25,84%	76.000.000.000	25,76
Các cổ đông khác	69.326.250.000	22,28%	66.025.130.000	22,38
	311.099.860.000	100%	295.000.000.000	100

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	223.923	360.644
Đô la Singapore ("SGD")	-	8.279
Euro ("EUR")	1.308	1.321

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	56.891.131.000	34.382.793.814

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	50.923.026.500	32.479.270.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	182.295.940.900	14.664.345.000
	<u>233.218.967.400</u>	<u>47.143.615.000</u>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê như sau:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 và được gia hạn tiếp trong vòng 03 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong năm;
- Thuê tàu PVT Saturn từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017 và thuê tàu PVT Diamond từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 26 tháng 4 năm 2028 theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021.

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tải bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.
- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác.
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí, v.v.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

SỐ CUỐI NĂM	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	640.439.744.856	77.036.618.110	241.900.082	5.832.136.001	723.550.399.049
Tài sản không phân bổ					151.935.885.390
Tổng tài sản					875.486.284.439
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	437.921.286.544	77.304.311.550	5.457.968.344	6.007.266.838	526.690.833.276
Nợ phải trả không phân bổ					4.634.490.800
Tổng nợ phải trả					531.325.324.076

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM NAY	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	554.355.754.911	239.152.918.637	441.016.057	30.493.769.303	824.443.458.908
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	554.355.754.911	239.152.918.637	441.016.057	30.493.769.303	824.443.458.908
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	63.097.651.874	67.330.941	48.451.104	3.462.091.715	66.675.525.634
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(32.793.304.100)
Doanh thu hoạt động tài chính					33.882.221.534
Lợi nhuận khác					12.192.394.408
Chi phí tài chính					1.993.513.133
Lợi nhuận trước thuế					(17.632.563.610)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					30.435.565.465
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					8.473.643.906
Lợi nhuận trong năm					(2.338.007.655)
					24.299.929.214

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Bảng cân đối kế toán

SỐ ĐẦU NĂM

Tài sản	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	542.565.304.066	7.581.117.733	1.323.252.176	2.366.701.565	553.836.375.540
Tài sản không phân bổ					238.499.585.932
Tổng tài sản					792.335.961.472
Nợ phải trả	447.381.942.544	5.616.932.412	10.116.065.125	4.272.377.764	467.387.317.845
Nợ phải trả bộ phận					3.872.389.626
Nợ phải trả không phân bổ					471.259.707.471

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM TRƯỚC

Doanh thu	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần ra bên ngoài	354.926.561.419	496.386.948.529	1.108.405.516	-	852.421.915.464
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	354.926.561.419	496.386.948.529	1.108.405.516	-	852.421.915.464
Kết quả hoạt động kinh doanh	48.979.527.248	(253.755.588)	534.663.821	-	49.260.435.481
Lợi nhuận gộp					(39.211.002.316)
Chi phí không phân bổ					10.049.433.165
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					7.928.737.340
Doanh thu hoạt động tài chính					7.496.549.349
Lợi nhuận khác					(14.650.170.491)
Chi phí tài chính					10.824.549.363
Lợi nhuận trước thuế					(4.764.751.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					2.492.430.624
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					8.552.228.520
Lợi nhuận trong năm					

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thương mại	239.152.918.637	496.386.948.529
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	554.355.754.911	354.926.561.419
Doanh thu dịch vụ đại lý tàu biển	441.016.057	1.108.405.516
Doanh thu hoạt động khác	30.493.769.303	-
	824.443.458.908	852.421.915.464

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thương mại	239.085.587.696	496.640.704.117
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	491.258.103.037	305.947.034.171
Giá vốn dịch vụ đại lý tàu biển	392.564.953	573.741.695
Giá vốn hoạt động khác	27.031.677.588	-
	757.767.933.274	803.161.479.983

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.338.245.962	43.430.468.112
Chi phí nhân công	82.900.273.650	67.543.444.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.273.255.303	71.060.995.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.190.992.947	119.536.020.344
Chi phí khác bằng tiền	84.772.881.816	44.160.849.715
	551.475.649.678	345.731.778.182

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.662.722.916	2.552.929.795
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.529.671.492	5.375.807.545
	12.192.394.408	7.928.737.340

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	14.616.417.492	12.732.091.209
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.016.146.118	1.918.079.282
	17.632.563.610	14.650.170.491

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	20.812.809.822	20.396.282.822
Chi phí mua ngoài	9.912.471.693	18.072.927.131
Các khoản khác	2.068.022.585	741.792.363
	32.793.304.100	39.211.002.316

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	340.237.917	7.249.678.540
Thu từ thanh lý tài sản cố định	959.017.483	4.425.727.212
Thu nhập khác (*)	837.602.045	816.685.827
	2.136.857.445	12.492.091.579

(*) Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ xử lý chênh lệch công nợ, thu tiền phạt đào tạo thuyền viên khi chấm dứt hợp đồng, thanh lý công cụ, dụng cụ cũ v.v...

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	8.467.291.270	4.695.883.670
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	6.352.636	68.867.797
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.473.643.906	4.764.751.467

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	30.435.565.465	10.824.549.363
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	27.309.356.349	20.756.248.752
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(15.408.465.465)	(8.101.379.767)
Thu nhập chịu thuế	42.336.456.349	23.479.418.348
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.467.291.270	4.695.883.670

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.299.929.214	8.552.228.520
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	855.222.852
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	300.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.299.929.214	7.397.005.668
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	25.109.986	25.109.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	968	295

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 10% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng Ban điều hành trích 300.000.000 đồng.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phân phối từ lợi nhuận năm 2020 và số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm do ảnh hưởng từ việc Công ty thực hiện phát hành thêm 1.609.986 cổ phiếu để chia cổ tức năm 2020 cho cổ đông theo Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2021. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo VND	Thay đổi VND	Số sau trình bày lại VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	855.222.852	855.222.852
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	300.000.000	300.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.552.228.520	(1.155.222.852)	7.397.005.668
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	23.500.000	1.609.986	25.109.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	364	(69)	295

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
(Tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu)	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ tại Hà Nội	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Tân Long	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu quản lý tài		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	2.343.036.612	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	27.611.381.270	-
Doanh thu thương mại		
Công ty Cổ phần vận tải Dầu Khí Hà Nội	16.650.955.000	70.157.725.750
Công ty cổ phần Vận Tải Dầu Khí Đông Dương	18.534.855.000	38.436.112.245
Doanh thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	402.040.000	899.536.000
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	736.408.686	455.398.771
Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm		
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	-	1.385.218.007
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	-	5.992.858.468
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	28.588.000	780.131.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	60.237.867.834	31.418.703.814
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	-	253.537.721
CN Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	504.537.839	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	29.854.153
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:		
- Gốc vay đã thanh toán	31.272.054.145	13.941.000.000
- Lãi vay đã trả	531.992.074	1.443.924.473

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng	3.522.991.614	3.452.374.000

Chi tiết thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm theo từng đối tượng cụ thể như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hoàng Đức Chính	Chủ tịch	280.886.000	849.470.000
Ông Nguyễn Trọng Quý	Chủ tịch	449.403.600	-
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	875.798.626	920.996.000
Ông Trần Duy Tân	Thành viên HĐQT	-	18.000.000
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT	24.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Ông Phạm Huy Hiệp	Phó Giám đốc	348.965.970	-
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc	618.079.534	609.048.000
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	607.422.652	571.920.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	270.367.987	428.940.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trình bày trong các Thuyết minh số 6, 7, 8, 15 và 18. Ngoài ra số dư khác như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:		
- Gốc vay phải trả	-	31.364.475.000
- Lãi vay phải trả	-	350.264.543

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.619.405.038 đồng (năm 2020: 1.975.636.347 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, và đã bao gồm số tiền 1.975.636.347 đồng (năm 2020: 2.938.607.601 đồng) là số tiền lãi vay phải trả chưa thanh toán vào cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 1.208.262.807 đồng (năm 2020: 589.013.699 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa nhận được, và đã bao gồm số tiền 589.013.699 đồng (năm 2020: 437.576.713 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận được trong năm nay.

Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

